

Số: 353/2017/DS-ST

Ngày: 22-9-2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng

2. Bà Nguyễn Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2017/TLST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2017/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2017/QĐST-DS ngày 28/7/2017; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 93/2017/QĐST-DS ngày 22/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Địa chỉ: Tầng x Tòa nhà, số M đường Đ, Phường Y, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Mỹ H

Bị đơn: Ông Lê Văn T (vắng mặt).

Địa chỉ: số A, đường T, Phường X, Quận Y, Tp. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2016 của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Ngày 02/7/2015 Ông Lê Văn T ký Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 20150708-500001-0030 với Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần V để vay số tiền 21.100.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 5%/ tháng, mục đích tiêu dùng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông T có trách nhiệm thanh toán số tiền 36.682.000 đồng (gồm tiền gốc và lãi), trả chậm trong 24 kỳ, trong 23 kỳ đầu ông T sẽ trả mỗi kỳ là 1.530.000 đồng, kỳ cuối cùng ông T trả 1.492.000 đồng. Thực hiện thanh toán kỳ đầu từ ngày 09/8/2015.

Thực hiện hợp đồng ông T đã nhận đủ số tiền 21.100.000 đồng và đã thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền của bốn kỳ là 6.560.000 đồng. Kể từ ngày 04/7/2016 đến nay, ông T không thanh toán khoản nào khác mặt dù nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở.

Tính đến ngày 06/10/2016, ông T phải trả số tiền gốc và tiền lãi là 22.950.000 đồng, ông T đã trả được 6.560.000 đồng ($22.950.000 - 6.560.000 = 16.390.000$ đồng). Như vậy ông T còn phải trả số tiền 16.390.000 đồng. Từ ngày 10/10/2016 cho đến khi đáo hạn hợp đồng, nguyên đơn không tính lãi chỉ yêu cầu ông T thanh toán số tiền gốc của 9 kỳ từ tháng 11/2016 đến khi đáo hạn hợp đồng tháng 7/2017 là 10.850.192 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Bà Phan Thị Mỹ H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Ông Lê Văn T có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày đáo hạn hợp đồng 09/7/2017 là: 27.240.192 đồng ($16.390.000$ đồng + $10.850.192$ đồng). Yêu cầu ông T thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Ông Lê Văn T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tiến hành thu thập chứng cứ theo đúng quy của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên giao thông báo thụ lý cho bị đơn trễ 05 ngày, đưa vụ án ra xét xử trễ 19 ngày. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Ông Lê Văn T thanh toán số tiền nợ vốn và lãi là 27.240.192 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng

Thương mại Cổ phần V yêu cầu bị đơn Ông Lê Văn T trả số tiền vay còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”. Do bị đơn Ông Lê Văn T cư trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét xử vắng mặt bị đơn Ông Lê Văn T, theo kết quả xác minh ngày 23/5/2017 của Công an Phường 15, Quận 10, thì Ông Lê Văn T có hộ khẩu thường trú tại 116/33/6A Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10. Nên căn cứ Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 về “hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án”, thì Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Xét, bị đơn Ông Lê Văn T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Ông Lê Văn T.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn

Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150708-500001-0030 ngày 02/7/2015 của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có cơ sở để xác định Ông Lê Văn T có vay số tiền 21.100.000 đồng của nguyên đơn, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 5%/ tháng, mục đích tiêu dùng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nói trên thì ông T vay tiền của ngân hàng trên tinh thần tự nguyện thỏa thuận. Theo quy định tại Điều 1 Mục 2 Phần A thì lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, thời hạn vay tối đa là 24 tháng. Và theo tại Điều 6 Mục IV Phần B của hợp đồng thì ”sau khi khoản vay được chấp thuận, Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần V sẽ có toàn quyền giải ngân ngay số tiền vay mà không cần bên vay (ông T) phải ký xác nhận yêu cầu giải ngân. Bên vay (ông T) cam kết nhận nợ vô điều kiện đối với số tiền vay trong trường hợp ngân hàng đã thực hiện giải ngân theo các hình thức mà bên vay yêu cầu là ”giải ngân thông qua tài khoản của bên vay (ông T) mở tại ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số VN 0010265”. Ông T đã ký hợp đồng và ”cam kết đã đọc hiểu rõ và đồng ý với tất cả các điều khoản thông tin nêu trên”, qua đó cho thấy việc ông T đã nhận đủ số tiền 21.100.000 đồng là có cơ sở.

Xét, theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông T có trách nhiệm thanh toán số tiền 36.682.000 đồng (gồm tiền gốc và lãi), trả chậm trong 24 kỳ, trong 23 kỳ đầu ông T sẽ trả mỗi kỳ là 1.530.000 đồng, kỳ cuối cùng ông T trả 1.492.000 đồng. Thực hiện thanh toán kỳ đầu từ ngày 09/8/2015.

Vậy khi đáo hạn hợp đồng, tổng số tiền ông T phải trả cho nguyên đơn là 36.682.000 đồng. Ông T đã trả được 6.560.000 đồng, còn nợ lại 30.122.000 đồng. Nhưng tính đến ngày đáo hạn 10/7/2017, nguyên đơn chỉ yêu cầu ông T trả số tiền 27.240.192 đồng (gồm vốn và lãi là 16.390.000 đồng và tiền gốc là của 9 tháng cuối 10.850.192 đồng) là nguyên đơn không tính lãi kể từ ngày 09/11/2016 cho đến khi đáo hạn hợp đồng ngày 09/7/2017. Xét việc nguyên đơn chỉ tính số tiền gốc mà ông T còn nợ 9 tháng cuối kể từ ngày khởi kiện cho đến ngày đáo hạn hợp đồng là có cơ sở, nên hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông T có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 27.240.192 đồng.

Mặc khác, dù biết rõ (hoặc phải biết rõ) những yêu cầu, chứng cứ của nguyên đơn đưa ra đối với ông T (theo kết quả xác minh thì ông T vẫn đang thường trú tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp), nhưng ông T vẫn không có ý kiến phản đối. Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Điều đó cho thấy những yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi và phí đối với bị đơn:

Căn cứ Theo hợp đồng, thỏa thuận giữa ông T và nguyên đơn thì lãi vay là 5%/tháng tương đương 60%/năm, là cao hơn so với quy định “Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác” tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Nhưng do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, và 9 tháng cuối từ tháng 11/2016 đến khi đáo hạn hợp đồng tháng 7/2017 thì nguyên đơn không tính lãi đối với khoản vay của ông T. Mặt khác theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật các tổ chức tín dụng thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong các hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Như vậy theo hợp đồng tín dụng nói trên, ông T đồng ý thỏa thuận và ký hợp đồng với nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần V nghĩa là ông T mặc nhiên đồng ý chịu khoản lãi 5%/tháng được quy định trong hợp đồng và chịu các nghĩa vụ thanh toán khác.

[5] Về thời hạn thanh toán

Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định trong hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 463, 466 và khoản 1 Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc bị đơn Ông Lê Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền là 27.240.192 đồng.

Thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

[2]. Án phí dân sự sơ thẩm là 1.362.009 đồng, Ông Lê Văn T phải chịu.

Trả lại cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 681.005 đồng, theo biên lai thu tiền số 0000941 ngày 07/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Tố Nhân